



Biên Cương Hành!

Trần Ngọc Nguyên Vũ

Buổi phi diễn!

Để ra mắt và giới thiệu hỏa lực của Không Đoàn 72CT với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, cùng các đơn vị tác chiến đồn trú tại Quân Khu 2, và được sự chấp thuận của BTL Không Quân. Trung Tá Bá triệu tập các đơn vị trưởng của KĐ72TC lại để soạn thảo một chương trình phi diễn gồm các màn thả khói màu, oanh kích, đổ quân và đặc biệt là màn nhào lộn của khu trục. Khách mời gồm toàn bộ chỉ huy của Quân Đoàn II và Quân Khu 2 với Trung Tướng Ngô Du cùng các cố vấn và các vị tư lệnh chiến trường của các binh chủng Biệt Động Quân, Nhảy Dù, và Bộ Binh từ cấp sư-đoàn đến cấp đại đội, Các Tiểu Khu Trưởng, và khách mời dân sự.

Sau một tuần lễ tập dượt, hôm nay là ngày mọi người mong đợi. Chương trình được dự trù bắt đầu từ 10 giờ sáng nhưng mới 8 giờ mà cổng Phi-Vân của căn cứ Không Quân PleiKu đã mở ra một quang cảnh tưng bừng và náo nhiệt. Quốc lộ 14 đông nghẹt những người và xe cộ từ các nơi đổ về phía phi trường. Những tà áo dài đủ màu tung bay như cánh bướm, vờn theo bước chân của những đôi giày đinh lấm lùn lầy đất đỏ, nói lên nét đặc thù của PleiKu phố núi.

Mục tiêu cho phần oanh kích và đổ quân là ngọn đồi

thấp, nằm dưới thung lũng đối diện với phi đạo của phi trường. Những ngôi nhà tranh dùng làm điểm oanh kích đã được Đoàn Kiến Tạo của KĐ Yểm Cứ PleiKu dựng lên, nằm phơi mình trên đỉnh đồi như thách thức khả năng của những người Lính chiến Không Quân. Khoảng cách từ mục tiêu đến khán đài không quá xa để khán giả có thể theo dõi các màn phi diễn một cách rõ ràng mà không phạm đến sự an toàn của mọi người.

Tại khán đài trung ương, một toán phi công được tuyển chọn từ các phi đoàn Quan Sát, Trục Thăng và Khu Trục do Thiếu-Úy Đinh Đức Bản làm trưởng toán, nhận trách nhiệm hướng dẫn và đưa đón quan khách. Những chàng phi công trẻ tuổi trong bộ đồ bay màu xám, cặp lon Thiếu Úy mới toanh gắn trên vai, cùng với đôi cánh bạc ngạo nghễ nằm trên ngực, và chiếc khăn quàng màu “tím hoa sim” thắt chéo nơi cổ áo bay phất phơ theo gió, làm tăng thêm vẻ hào hùng và lãng mạn của người phi công thời chiến một cách kín đáo. Với một phong cách đầy vẻ tự tin, đôi mắt sáng quắc và nụ cười bật thiệp nở trên môi, những người lính trẻ lịch sự nghiêng mình đưa tay diu người đẹp lên khán đài.

Nhìn những gương mặt thẹn thùng, đôi gò má ửng hồng và những bàn tay run rẩy của các kiều nữ giai nhân, ngại ngần đưa ra nắm lấy cánh tay rắn chắc của người trai khôi lữa mà “Phượng Hoàng Rosa” Lê Như Hoàn đã gọi họ là những người Lính “Hào hùng trên không và hào hoa dưới đất”, người ta không khỏi liên tưởng đến những câu thơ trong “Chinh Phụ ngâm khúc” của Đặng Trần Côn: *“Lương nhân nhị thập Ngô môn hào- Đầu bút nghiên hề sự cung đao”* mà bà Đoàn Thị Điềm đã diễn Nôm ra là,

*“Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.”*

Đúng vậy, phải là những trang “nam nhi hào kiệt” mới có cái phong độ hào sảng và lịch lãm như vậy được. Xương ngôn

viên chính chỉ huy toàn bộ chương trình và dẫn giải các chi tiết trong ngày hội là Thiếu-Tá Lê Bá Định, Phi-Đoàn Trưởng phi-đoàn Thái-Dương 530. Bằng một giọng nói trầm ấm, truyền cảm và lôi cuốn, người xướng ngôn viên tài hoa của KĐ72CT xử dụng cùng một lúc hai thứ ngôn ngữ Việt - Mỹ một cách lưu loát, nhịp nhàng và uyển chuyển, đã thu phục được cảm tình và lòng ngưỡng mộ của quan khách các giới đối với Quân Chung Không-Quân.

Bốn chiếc loa được khuyếch đại với công suất cao đặt ở 4 góc nơi khán đài, trực tiếp truyền thanh tất cả những cuộc liên-lạc vô-tuyến qua các tần-số FM, VHF, UHF trên trời và PRC25 dưới đất đến khán giả, làm cho bầu không khí ngày hội càng thêm phần sôi nổi và sống động. Phải nói đây là lần đầu tiên mọi người được nghe những lời đối thoại giữa các phi cơ với Đài kiểm-soát, Đài Kiểm-Báo và quân bạn một cách đầy đủ và rõ ràng như vậy. Ngay cả những vị chỉ huy ngoài mặt trận cũng chỉ được nghe một phần giới hạn trong phạm vi hoạt động của họ mà thôi.

Tại khán đài trung ương, khán giả nhìn lên bầu trời xanh ngắt, thấy hiện ra cả một vùng không-lộ thênh thang chằng chịt những phi cơ đủ loại, từ Khu Trục, Quan Sát đến Trục Thăng bay lượn trên những độ cao khác nhau tại vòng chờ. Từ trên cao độ, Thiếu Tá Lưu Đức Thanh, Liên Đoàn Phó LĐ72TC ngồi trên chiếc trực thăng “chỉ huy” (C&C) lấy danh hiệu là “Bạch Điều”, có nhiệm vụ điều hợp các đơn vị phi diễn giữ đúng vị trí và giờ “G” xuất phát từ điểm hẹn để tiến về khán đài....

...3 phút trước giờ khai mạc, tiếng nói của người phi tuần trưởng phi tuần thả khói màu rồn rảng vang lên trên bầu trời truyền qua máy phóng thanh:

- “Bạch Điều” đây “Thái Dương Hồng” gọi. Xin báo cho Bạch Điều biết là chúng tôi bắt đầu rời vòng chờ để vào trực phi diễn theo hướng Tây - Đông.

- “Roger Thái Dương Hồng” Bạch Điều nghe bạn 5/5. Chúc bạn bay một phi vụ thật đẹp.

Tiếng người Phi Tuần Trưởng lại vang lên:
- Đài Kiểm soát PleiKu. Đây “Thái Dương Hồng” gọi. Chúng tôi đang vào trục phi diễn theo hướng Tây - Đông, cao độ 1,000 bộ.

- PleiKu đài nghe rõ. “Thái Dương Hồng” bạn sẽ làm việc trên phi đạo 27, cao độ 1,000 bộ. Thời tiết phi trường PleiKu trời quang, gió lặng. Tầm nhìn xa 10 dặm. Sau khi thả khói xong, bạn giải tỏa về hướng Đông-Bắc, 30 độ “outbound” phi trường PleiKu. Chúc bạn nhiều may mắn.

Đúng
10:00
giờ sáng,
Thiếu tá
Lê Bá Định
giới thiệu
với quan
khách màn
phi diễn
bắt đầu.



*Tác giả, 1971 (thứ 2 từ trái) tại Pleiku
sau một phi vụ.*

Mọi người ngược mắt đổ dồn về phía đầu phi đạo 27, trong lúc một đoàn phi cơ 5 chiếc khu trục A1H bay theo đội hình chữ V ngược, ào ào lướt tới. Từ hai bên cánh của các phi cơ phun ra những cuộn khói màu, kết thành lá cờ Vàng ba sọc Đỏ tuyệt đẹp. Tất cả mọi người trên khán đài đồng loạt đứng dậy vỗ tay một cách nồng nhiệt, trong lúc ban quân nhạc trở lên bài “Không Quân Hành Khúc” của Văn Cao:

“Giờ từng đoàn người vượt qua biên giới quyết chiến đấu

*Đã chiếm chiến công ngang trời
Giờ đoàn người còn vượt qua biên giới quyết chiến đấu
Đi không lo gì xác rơi
Lúc đất nước muốn bao người con thân yêu ra đi
Hối tiếc tâm thân làm chi*

*Giờ thề một lòng vượt trên lưng gió quyết chiến thắng
Nhớ lấy phút giây từ ly...*

*Ta là... đàn chim bay trên cao xanh
Khi nhìn... qua khói những kinh thành xa
Đôi cánh... tung hoành vượt trên mây xanh
Ta là... tinh cầu bay trong đêm trăng*

*Đây đó... hồn nước ơi !
Không quân Việt Nam vút trên ngàn mây gió
Ừ.. u... u... u... u... ú...
Ôi phi công... danh tiếng... muôn đời
Nhìn xa... phi trường Việt Nam
Không quân ra đi cánh bay rợp trời
Ừ .. u... u... u... u... ú...
Xa giang sơn ngắm nhìn về khắp nơi*

*Bầy chim dù bay ngàn phương cũng về
Để rồi ngày ngày sống hòa nhịp đời
Cùng ngàn kiếp chim
Bầy ta càng đi càng xa
Quyết khi về đem lại đây chiến công
Dù thân mỡ quên lấp chìm ”*

Lời nhạc hùng tráng vang dội quần vào nhau theo gió bốc lên bầu trời xanh thẳm của buổi ban mai như một cơn lốc. Đâu đó trong đám đông, người ta bắt gặp những ánh mắt long lanh liếc nhanh về phía những “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt” đang đứng dưới khán đài. Sau màn tả khói màu là phần biểu diễn hỏa lực.

Xướng ngôn viên của chương trình giới thiệu đến quan khách ba phi-tuần khu-trục được trang bị các loại vũ khí gồm

có Bom Nổ, Bom Lửa (Napalm), Hỏa Tiễn công phá, và Đại Bác 20ly. Các phi-tuần này sẽ đánh theo thể “liên hoàn” từ những cao độ khác nhau theo đúng quy luật An-Phi. Qua máy phóng thanh mọi người được nghe những mẫu đàm thoại giữa Khu-Trục và Quan-Sát:

- “Black Cat” đây “Thái-Dương Đỏ” gọi. Bạn nghe rõ không trả lời.

- “Thái-Dương Đỏ” “Black Cat” nghe bạn 5/5. Chúng tôi đang ở hướng 9:00 giờ của bạn. Xin bạn cho biết trang bị.

- Roger “Black Cat!” “Thái-Dương Đỏ” gồm 2 phi cơ A1, trang bị bom nổ 500 cân. Chúng tôi đang ở cao độ 5,000 bộ.

- Roger “Thái-Dương Đỏ!” Chúng tôi sẽ cho bạn một trái khói trắng.

Chiếc phi cơ quan-sát bay đảo một vòng trên mục tiêu rồi nghiêng cánh chúi đầu xuống bắn ra một trái khói màu trắng cùng với lời hướng dẫn:

- “Thái-Dương Đỏ” bạn đánh về bên phải của trái khói 50 thước.

- “Black Cat!” “Thái-Dương Đỏ” hiểu. 50 thước về bên phải của trái khói.

Từ trên cao độ, phi tuần “Thái-Dương Đỏ” đã vào vòng oanh kích. Chiếc phi cơ đầu nghiêng cánh rồi chúi xuống ở một góc độ gần như thẳng đứng theo với trục thả bom. Chiếc số hai lao xuống theo cùng một góc độ. 8 trái bom 500 cân rời khỏi hai chiếc khu trục cơ, vun vút lao xuống mục tiêu như những mẫu vắn thạch từ không gian vừa lọt bầu khí quyển. Một cột khói bùng lên cùng với ngọn lửa cuộn cuộn như ngọn hỏa diệm sơn trong cơn phẫn nộ chuyển mình, kèm theo tiếng nổ long trời lở đất làm rung chuyển cả núi rừng.

Tiếng nổ quá lớn gây một sức ép nặng nề trong bầu không khí làm mọi người cảm thấy ngộp thở. Quan khách ngồi trên khán đài lao xao. Đã có nhiều người nhón nháo đứng dậy như

sợ khán đài bị xập... Nhưng lời giải thích trầm âm của người dẫn giải chương trình qua máy phóng thanh đã kịp thời trấn an mọi người. Trong lúc chiếc L19 đang đảo quanh một vòng trên mục tiêu rồi phóng xuống một trái khói màu vàng thì trên máy phóng thanh lại vang lên tiếng gọi của phi tuần “Thái-Dương Xám”:

- “Black Cat” đây “Thái-Dương Xám” Gồm 2 phi cơ. Trang bị đại bác 20ly và hỏa tiễn công phá. Chúng tôi hiện đang ở trên mục tiêu, cao độ 1500 bộ. Chúng tôi đã thấy trái khói của bạn.

- Roger “Thái-Dương Xám”. Từ trái khói, bạn đánh dọc theo hướng Đông – Tây 200 thước.

- Roger “Thái-Dương Xám” hiểu. Chúng tôi sẽ vào trực xạ kích theo hướng Đông của trái khói.

Tiếng nói vừa dứt thì người ta đã thấy hai chiếc phi cơ từ xa phóng tới. Từng tràng Đại Bác 20ly và Hỏa Tiễn công phá trên phi cơ được phóng ra nổ âm âm như tiếng sấm đầu mùa mưa, vạch lên những luồng đạn đạo cày nát ngọn đồi. Mặt đất oằn lên như đang chịu đựng một cơn địa chấn. Âm thanh của những tiếng nổ còn vang vọng chưa dứt thì từ hướng Bắc, hai chiếc A1H của phi tuần “Thái- Dương Vàng” bay sát mặt đất lao tới. 12 trái Napalms rời khỏi cánh phi cơ bung ra như một tấm lụa hồng khổng lồ phủ trùm lên mục tiêu. Hai chiếc phi cơ lướt qua nhanh rồi biến mất về phía chân trời. Bỏ lại mọi vật quần quai trong biển lửa mịt mù ở phía sau. Qua máy phóng thanh, tiếng của người phi công Quan-Sát háo hức reo lên:

- “Thái-Dương Vàng” đánh quá đẹp. Mục tiêu đã bị phá hủy 100%.

Cuộc oanh kích của Khu Trục vừa dứt thì từ hướng Tây một hợp đoàn Trục Thăng gồm ba slicks và hai Trục Thăng võ trang hộ tống lừng lững bay tới. Khi đến mục tiêu, hai chiếc Gunships tách ra hai phía nã Mini Guns và Hỏa Tiễn xuống, làm một vòng đai lửa bảo vệ bãi đáp, trong lúc ba chiếc Slicks

bay hover trên đầu mục tiêu và tung ra những cuộn thang giây. Từ trên phi cơ những người lính Biệt Kích nhanh nhẹn leo xuống, đong đưa theo từng nấc thang dưới sức thổi như vũ bão của những cánh quạt gió khổng lồ trên đầu, rồi nhảy xuống lăn mình trên mặt đất một cách gọn gàng và biến mất sau lùm cây. Năm chiếc trực thăng đảo quanh mục tiêu một vòng rồi tập hợp thành hợp đoàn rời vùng.

Tại khán đài trung ương, xướng ngôn viên điều khiển chương trình giới thiệu với quan khách màn biểu diễn nhào lộn của khu trực. Mọi người ngửa mặt nhìn lên vòm trời cao xanh thẳm, theo dõi một chấm đen đang bay lượn trên không, rồi bất thần cắm đầu thẳng đứng, lao xuống mặt phi đạo làm một vòng “Loop”. Bốn ống khói trắng gắn trên cánh phi cơ phun ra theo đường bay, vạch thành một vòng tròn tuyệt hảo, treo lơ lửng trên sân bay ở cao độ 700 bộ. Mọi người còn đang thích thú theo dõi màn nhào lộn đẹp mắt thì từ phía sau khán đài, một chiếc phi cơ khác lướt tới như một mũi tên xé gió, làm một vòng quay 4 điểm xuyên qua vòng tròn khói trắng, nhả ra những cuộn khói màu đỏ, quấn theo thân phi cơ trông như một con rồng đang phun lửa...

Từ máy phóng thanh Thiếu-Tá Định hãnh diện giới thiệu đến quan khách hai phi công bay biểu diễn: Đại Úy Phạm Văn Thặng và Đại Úy Vũ Văn Thanh, thuộc phi đoàn Thái-Dương 530. (3) Khán gia đồng loạt đứng lên cùng với tiếng vỗ tay tán thưởng vang dội, át cả tiếng nói của xướng ngôn viên dẫn giải chương trình.

Sau màn phi diễn, quan khách được mời đến bãi đậu A1 để xem phần triển lãm phi cơ cùng các loại vũ khí trang bị. Trước những ụ đậu được đắp bằng những bao cát chống pháo kích, những chiếc khu trực lằm lỳ nằm phơi mình trong ánh nắng mai, bên cạnh chiếc L19 mảnh mai e lệ như một cô gái đang tuổi xuân thì, lẫn với những chiếc trực thăng gồ ghề gánh dàn cánh quạt khổng lồ trên lưng. Số lượng bom đạn được trưng bày trên sân bay, trước mặt từng loại phi cơ. Tất cả như

đang chờ đợi những người khách hậu phương đến thăm để chia sẻ tâm tình sau những chuyến bay trở về từ nơi chiến trận... Người phi công trẻ lại được dịp hướng dẫn những kiều nữ giai nhân leo lên chiếc khu trục cơ để quan sát. Trong lúc người em gái hậu phương đang chóng mặt với dàn đồng hồ gắn chỉচিত trên bảng phi cụ, thì bên tai nàng giọng nói của “Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt” cất lên như gió thoảng:

- “Đây là đồng hồ chỉ tốc độ. Đây là những đồng hồ định phương vị phi cơ và đây là cao độ kế, đồng hồ xăng, đồng hồ chỉ áp lực thủy điều, đồng hồ chỉ gia tốc vòng quay cánh quạt, đồng hồ chỉ áp lực chống lại sức hút của quả đất (G. Force)... Còn đây là cần lái với những nút bấm thả bom, cò bắn Đại Bác và hỏa tiễn, đây là nút điều chỉnh độ thăng bằng cho phi cơ, nút liên lạc vô tuyến, và quan trọng nhất là cần chốt kéo ghê thoát hiểm ở dưới chân ghê ngồi, cần chốt này sẽ giúp phi công nhảy dù thoát hiểm trong trường hợp phi cơ bị nạn... Tất cả những phi cụ này đều được đặt dưới sự điều khiển và kiểm soát của người phi công. Không gian cũng như biển cả, sẽ không tha thứ một lỗi lầm nào dù là nhỏ nhất của con người.”

Khi lời giải thích của người phi công trẻ vừa dứt thì cô nữ sinh cảm thấy mình như vừa thoát ra khỏi vòng “bát quái trận đồ” trong phòng lái của chiếc khu trục. Nàng đưa tay vuốt nhẹ mái tóc rối bời tung bay theo gió, lấy lại bình tĩnh rồi nghiêng đầu nhí nhảnh hỏi:

- Thiếu Úy ơi! Nếu khi thả bom mà... phi cơ bị phòng không bắn cháy thì mình... phải làm sao hả Thiếu Úy?

Ông Thiếu Úy trẻ mỉm cười, nhìn thẳng vào mắt cô nữ sinh lý lắc, dí dỏm trả lời:

- Thì... người phi công sẽ bung dù thoát hiểm trở về, để không phụ lòng mong đợi của người ở nhà.

Gương mặt cô gái hồng lên qua câu trả lời bóng gió của ông Thiếu Úy. Ông Thiếu Úy ngừng lại một giây rồi chùng giọng nói tiếp:

- Nhưng đôi khi người phi công phải chấp nhận hy sinh thân mình để đổi lấy sự an toàn và chiến thắng cho đồng bạn.

Câu nói như mũi giao nhọn xoáy vào tim người nghe. Cô nữ sinh cúi đầu chớp mắt, cảm thấy lòng mình hụt hẫng, xót xa...

Cuộc vui nào cũng chóng tàn. Buổi phi diễn đầy những hình ảnh hào hùng và sống động, rồi cũng được thay bằng những cánh tay đưa lên vẫy chào tạm biệt, và những tia mắt nhìn có đuôi ném lại phía sau, như thắm hẹn thêm cho một lần gặp gỡ trong tương lai... Mọi người hân hoan ra về, mang theo trong lòng hình ảnh khó quên của ngày đại hội.



Vào cơn bão loạn!

Sau lần phi diễn, KĐ72CT đã chứng tỏ khả năng vững mạnh của mình trong công cuộc yểm trợ quân bạn và bảo vệ vùng trời biên trấn. Để mỗi khi màn đêm buông xuống, phủ trùm lên cả một vùng núi đồi trùng điệp, thì người dân PleiKu sẽ cảm thấy yên lòng hơn khi nhìn thấy ánh lửa lập lòe từ những chiếc phi cơ võ trang bay tuần phòng không phận. Những người lính chiến KQ đang ngày đêm sát cánh cùng các đơn vị bạn giữ gìn an ninh bờ cõi...

Nhưng cuộc sống của người Lính trong thời ly loạn,

luôn luôn biến đổi không ngừng như những điệp khúc bi hùng trong bản trường ca bất tận của dân tộc...

Nếu nơi đây đã có nhiều người nhận PleiKu là miền quê ngoại, thì cũng có những người đã phải mang theo cả khối tình không trọn xuống tuyến đài. Có những người thần nhiên ra vào nơi chốn phòng không trập trùng của địch, thì cũng có những người phải trầm mình trong biển lửa mịt mù. Cũng có người bung dù thoát ra khỏi chiếc phi cơ bốc cháy trên vòm trời lửa đạn, bỏ lại người phi tuần viên cô đơn lang thang lạc lõng giữa bầu trời hoang lạnh, và cũng có biết bao người trở về với cõi lòng tan nát, vì đã phải bỏ lại người những người bạn đồng hành của mình nơi chiến địa...

Tháng Tư năm 1972, cuộc chiến bùng lên dữ dội. Khói lửa tràn về KonTum, PleiKu, Phú Bổn... Những cánh phượng hồng rũ rượi tả tơi bay. Người dân tất bật di tản, bỏ lại Phố Núi cho những người Lính chiến... KĐ72CT cùng với các đơn vị Nhảy Dù, Biệt Động Quân, Bộ Binh quay cuồng trong cơn bão loạn, vung tay điểm lên bức tranh sơn hà những đường nét bi tráng, treo lơ lửng giữa trời cho ngàn sau chiêm ngưỡng. An ninh trật tự được vẫn hồi, mọi người lại lục tục trở về như lời nguyện của dòng sông oan nghiệt...

Sau lần chiến thắng lẫy lừng của toàn quân trong cuộc chiến của mùa Hè năm ấy, Trung Tá Định lên thay Đại Tá Bá được chuyển về coi căn cứ KQ Phan Rang. Sư Đoàn 6KQ ra đời dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang, nâng cấp số của Quân Chung Không Quân lên 6 Sư Đoàn. PleiKu trở thành nơi đồn trú của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 6KQ, bao gồm cả căn cứ 60 Chiến Thuật tại Phù Cát, trấn yểm vùng trời Tây Nguyên và vùng biển. Cũng trong thời gian này Trung Tá Lê Văn Bút lên thay Trung Tá Định về coi trường phi hành T41. Trung Tá Mười lên làm Không Đoàn Phó KĐ72CT, trao lại Phi Đoàn Thái-Dương 530 cho Thiếu Tá Bạch Diễm Sơn.

Kể từ mùa Xuân năm 1973, cuộc chiến đã xoay chiều... Người ta bắt đầu nói đến những chuyện trao đổi tù binh, rút quân và đàm phán... Sư Đoàn 6KQ hân hoan đón chào những chiến hữu thân yêu trở về từ lòng đất địch như Trần Thanh Long, Nguyễn Đình Xanh... Nhưng đằng sau cái bẫy vô hình này, những người Lính của QLVNCH vẫn phải cô đơn đối đầu với lửa đạn trập trùng, và những mưu mô xảo quyệt của cả bạn lẫn thù. Tôi rời PleiKu trong cái bối cảnh giao thời qua những trang quân sử oai hùng cuối cùng của cuộc chiến...

Gĩa từ nơi gió cát!

Thế là sau 4 năm “trấn thủ lưu đồn”, cuối cùng rồi tôi cũng phải rời vùng đất quanh năm với những cơn gió núi mưa rừng này, để thuyên chuyển về Bộ Tư Lệnh KQ ở Sài Gòn. Còn nhớ ngày nào vào một buổi sáng mùa Đông năm 1970, chúng tôi 9 người của “phi tuần Tây Tiến” từ Biên Hòa bay lên đáp PleiKu để cùng anh em thành lập đơn vị mới, “Phi Đoàn Thái Dương 530”, dưới quyền của PĐT Lê Bá Định, trực thuộc Không Đoàn tân lập 72CT do Trung Tá Bá chỉ huy.

Rời từ đó theo với dòng thời gian trôi qua, đã có biết bao nhiêu những kỷ niệm vui buồn hằn sâu trên vầng trán phong sương của những người trai khói lửa... Những ngày tháng sát cánh bên đồng đội, cùng quay cuồng trong bom đạn trập trùng, vật lộn với tử thần ngoài chiến trận. Đã bao lần được làm quen với những người bạn mới qua tần số trên vùng trời mịt mù sương khói, và cũng đã bao lần đón nhận hung tin của những người bạn đã hy sinh...

Trong số 9 người của đoàn quân Tây Tiến năm xưa, thì đã có 2 người vỗ cánh tung bay về phương trời khác. Hai người đã vĩnh viễn nằm yên trong lòng đất Mẹ, và bây giờ đến lượt tôi cũng lại quay lưng với PleiKu để đi theo dòng định mệnh riêng của đời mình, bỏ lại Vũ Công Hiệp, Hoàng Mạnh Dzũng, Trần Kim Long, Nguyễn Văn Hai với những tháng ngày còn lại lang thang cùng gió núi mây ngàn nơi vùng trời

biên trấn...

Nhìn tờ sự vụ lệnh thuyên trên mặt bàn, tôi thần thờ xếp mấy bộ đồ bay, cùng vài bộ đồ dân sự, và một ít vật dụng cá nhân vào chiếc túi sách tay phi hành, gấp tờ SVL đút vào túi áo, rồi nhìn lại căn phòng một lần chót mà thấy bồi hồi xúc động. Vì chính tại nơi này đã bao lần tôi phải cúi đầu ngậm ngùi thương tiếc cho những người bạn đã hy sinh, và cũng đã bao lần đón mừng những người trở về từ cõi chết. Tôi bước ra khỏi căn phòng chứa đầy kỷ niệm đó, rồi đi trên con đường hàng ngày tôi vẫn đi để ra trạm tiếp liên. Dọc theo hai bên đường, từng lùm cây bụi cỏ, từng khóm dã quỳ hoang dại lao xao vươn lên trong ánh nắng sớm mai, tất cả dường như muốn nói với tôi một điều gì...

Khi đi ngang qua chiếc miếu nhỏ dưới con dốc bên lề đường, chân tôi như muốn khụy xuống... Tôi nhớ lại một buổi sáng mùa Đông cách đây 4 năm, tôi và Hai đã chứng kiến một cảnh tượng kinh hoàng trước cái chết bi thảm của hai người lính trẻ... Nhìn xuống bãi đất trống bên trái, nơi mà ngày xưa chúng tôi đã quây quần bên ngọn lửa bập bùng vào một đêm trăng mờ huyền ảo, trong cái lạnh buốt của núi rừng, cùng nắm tay nhau say sưa cất cao giọng hát:

*“Xin nhận nơi này làm quê hương dẫn cho khó thương.
Xin nhận nơi này làm quê hương dẫn cho điêu tàn.
Khi mùa mưa về bùn lang thang lấm trên gót chân.”*

Vậy mà ngày hôm nay chính tôi cũng lại là người bỏ vùng đất này để ra đi. Một cơn gió lạnh bốc lên từ bãi đất trống dưới thung lũng quần lầy tôi như vòng tay của ai đó choàng qua vai níu kéo tôi lại. Tôi rùng mình kéo cao cổ áo, và chợt nhớ đến hai câu thơ của một nhà thơ nào đó, hình như Chế Lan Viên thì phải, người đã từng tâm sự từ một vùng đất ông ở:

*“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.”*

Đúng vậy, còn nhớ ngày nào tôi đến, PleiKu chỉ lặng

lẽ nằm yên mỉm cười chào đón. Bởi vì PleiKu biết rằng tôi đến đây và sẽ ở lại đây với PleiKu. Bây giờ tôi đi, PleiKu vùng dậy, giận hờn trách móc tiễn đưa. PleiKu đưa tôi đi và PleiKu nhắ với tôi rằng PleiKu sẽ đợi sẽ chờ:

*“Anh đi rồi PleiKu gầy guộc nhớ
Đôi Cù Hanh sương khói phủ lên thê
Bao nhiêu chiều con đường xưa vẫn đợi
Từng mùa mưa lầy lội lối đi về.”*

Rồi mai này chẳng biết đến mùa mưa nào thì ly khách sẽ



trở lại với PleiKu đây... Tâm tình này tôi nghe mà sao thấy quen quen. Hình như tôi đã được nghe những lời nhắn nhủ như thế này ở đâu đó rồi thì phải. Ở đúng rồi, trong “Tha La Xóm Đạo”, Vũ Anh Khanh ngày xưa cũng đã chẳng từng một lần được nghe Tha La nhắn nhủ qua những lời lẽ tha thiết đó sao:

*“Giờ khách đi Tha La nhắn câu này”
“Khi hết giặc khách hãy về thăm nhé”
“Hãy về thăm xóm đạo”
“Có trái ngọt cây lành”
“Tha La dâng ngàn hoa gạo”
“Và suối mát rừng xanh”
“Xem đám chiêm lành thương áo trắng”*

“Nghe trời trở gió nhớ quanh quanh” (2)

Tha La xóm đạo với PleiKu, hai phương trời khác biệt. Tuy không cùng chung một khoảng thời gian và một mảnh không gian, nhưng hồn đất của PleiKu và của Tha La thì từ ngàn xưa cho tới ngàn sau bao giờ cũng vậy, bao giờ cũng tha thiết, ngậm ngùi day dứt khôn nguôi... Chiếc C130 vừa đáp xuống phi đạo và đang di chuyển vào bãi đậu trước cửa trạm tiếp liên. Tôi đưa tờ sự vụ lệnh thuyền chuyển cho người trưởng trạm để anh ghi tên tôi vào danh sách những hành khách về Sài Gòn, rồi mượn điện thoại gọi về đài kiểm soát để nói lời từ giã với những người bạn chưa từng một lần gặp mặt, mà chỉ biết nhau qua tần số vô tuyến. Một giọng nói quen thuộc vang lên bên kia đầu giây:

-”Có phải “hai lần tư tưởng Hồng Hà”, người phi công trong “phi tuần Tây tiến” năm xưa đó không? Tôi chắc Hồng Hà không nhận ra tôi đâu. Tôi là người đã gửi lời “Welcome Home” đến mọi người trong phi tuần, và hôm nay xin được gửi lời chúc “Hồng Hà” thượng lộ bình an. Xin hẹn một ngày gặp lại.”

Nghe giọng nói của người kiểm soát viên, giọng nói trầm ấm theo với luồng tình cảm nồng nàn của Người PleiKu. Tôi hụt hẫng, sững sờ cảm động đến nghẹn lời, vì không ngờ đã 4 năm qua rồi mà vẫn còn có người nhớ đến “Phi Tuần Tây Tiến” Tôi theo đoàn người ra bãi đậu để lên máy bay. Gặp Phan Đình Hùng là trưởng phi cơ, anh kéo tôi lên phòng lái ngồi chung với phi hành đoàn. Phi cơ quay đầu chậm chạp lăn bánh trên từng thước đất thân yêu, rồi dừng lại nơi đầu phi đạo chờ “clearance” của đài kiểm soát...

Trưởng phi cơ đẩy cần gia tốc của bốn động cơ lên vị thế cất cánh. Chiếc C130 rung chuyển mạnh, gầm lên như tiếng gầm bi thiết của con mãnh hổ lia đàn, lao về phía trước, bóc mình rời khỏi phi đạo, để lại hình ảnh nhật nhòa của phi trường Cù Hanh mờ dần theo ánh mắt người đi... Trong lúc phi cơ lên cao độ, từ phòng lái của chiếc C130, tôi thấy những

cụm mây trắng lướt nhanh qua khung cửa kính, mà tưởng như là những tà áo dài mềm mại tung bay trong gió của “Người PleiKu” đứng bên đường giơ tay vẫy chào đưa tiễn. Lòng tôi bỗng nhiên trùng xuống. Tôi thì thầm nói với PleiKu:

- “Xin được một lần vẫy tay chào PleiKu! Chào những con đường với cơn mưa phùn vương đầy bụi đỏ. Chào những tàng cây xanh đan bóng lá một buổi chiều nao đưa đón bước chân son. Xin chào phố xá thân thương, chào ánh đèn khuya hiu hắt nơi “Quán Biên Thùy” hàng đêm chao đảo trong cơn gió lạnh của núi rừng mịt mờ mịt sương khói. Xin chào Peacock, chào PleiKu dài.

Chào những người Lính Kỹ Thuật và Phòng Thủ ngày đêm vui đầu trong nhiệm vụ. Chào Trần Cao Chánh, Nguyễn Văn Song, Quán, Phong, Cầu, Hậu, Bình, Xuân, Thủy...Những con cộp rần của vùng núi rừng Tây Nguyên trùng điệp. Xin chào Thái Dương “The Last Real Fighters”, chào Lạc Long, Sơn Dương, Bắc Đẩu, những người bạn đã hơn một lần chia sẻ nỗi nhọc nhằn, hiểm nguy trong cuộc chiến... Thôi nhé, xin chào tất cả...”

Phi cơ chui vào vùng mây mù dày đặc, trường phi cơ thông báo mọi người thắt chặt dây an toàn, rồi làm IFR xuyên mây lên cao độ. Phi cơ ra khỏi mây, bình phi ở 25,000 bộ rồi thẳng đường bay về SàiGòn. Tôi thật sự đã rời xa PleiKu!

*(...Và như những vần thơ cổ bi tráng trong đoạn kết của “Chinh phụ ngâm”, sau những tháng năm dài mong đợi, người vợ trẻ ở nhà đã phải: “Ngọt bùi thiếp đã hiểu nam - dạy con đèn sách thiếp làm phụ thân.”**

Rồi một ngày nàng đón nhận tin mừng của “chinh phu” từ nơi gió cát trở về để cùng nhau: “Ngâm nga mong gởi chữ tình - Dường này âu hẳn tài lành trượng phu”...*

Một buổi tối, trong mái ấm gia đình, có đôi vợ chồng trẻ

sung sướng nhìn đứa con đầu lòng líu lo vui đùa trước mắt bố mẹ. Người vợ tựa vai chồng thả hồn theo với giọng ngâm hào sảng của người trai khói lửa:

“Ta hò! Trượng phu đương như thị “)*

Chú Thích:

(2) Thơ Vũ Anh Khanh

(3) Trong số những phi công bay khu trục A1, rất ít người làm được “vòng roll 4 điểm” mà không bị mất cao độ. Nguyễn Gia Tập, Tạ Thượng Tứ, Phạm Văn Thặng, Vũ Văn Thanh... là những người trong số rất ít đó.

Thặng và Thanh đã cất cánh bay về vùng trời miền viễn năm 1972. Riêng Nguyễn Gia Tập đã lấy máu mình rửa trong dòng nước đục vào sáng ngày 30/4 năm 1975 tại tiền đình BTLKQ.

Còn Tạ Thượng Tứ hiện cùng gia đình định cư tại Hoa Kỳ.

(*) **Chinh phụ ngâm:** Tác phẩm “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn mở đầu bằng hai câu:

”Thiên địa phong trần - Hồng nhan đa truân”

và đóng lại bằng câu kết:

“Ta hò! Trượng phu đương như thị.”





PHÒNG VẤN TÁC GIẢ GỐC VIỆT.

Nguyễn Mạnh Trinh.

Đối với người bản xứ, đời sống của những người tị nạn có nét riêng kích thích tính hiếu kỳ. Nói tới Việt Nam là họ nghĩ ngay đến chiến tranh nhưng đề tài này ở những tác phẩm của những người thua trận, tức là những người tị nạn thì ít được hấp dẫn lắm, nhưng với đề tài hội nhập thì được đề ý nhiều hơn. Những chuyện phấn đấu trong cuộc sống, làm lại cuộc đời bằng hai bàn tay trắng, vượt qua biết bao nhiêu là trở ngại, từ khác nhau về ngôn ngữ đến cách trở văn hóa, đã trở thành những câu chuyện truyền kỳ của những người di dân, nhưng với người tị nạn lại càng nổi bật hơn nữa.

Văn chương của người di dân là một nhánh có thể gọi là chính yếu trong văn học Hoa Kỳ và văn chương của người tị nạn cũng là một nhánh đặc thù không thể bỏ quên.

Chúng ta có thể kể đến những tác phẩm như Andrew Lam với **Birds of Paradise Lost** và **East Eats West**, Kiên Nguyễn với **The Unwanted**, **The Tapestries**, như Lan Cao với **The Monkey Bridge**, như **The Book of Salt** của Monique Trương, như **The Gangster We Are All Looking For** của Lê Thị Diễm Thúy, như **Tin Roof**, **Grass Roof** của Dao Strom. Và mới đây với Nguyễn Minh Bích **Short Girls**, Monique Trương **Bitter in The Mouth**, Angie Chau **Quiet As They Come**.

Tất cả những nhà văn tị nạn gốc Việt Nam thì hầu như hoặc gián tiếp hoặc trực tiếp mang theo những biến cố của một

đất nước chiến tranh. Dù họ thuộc thế hệ thứ nhất, một rưỡi hoặc thứ hai, nhưng cái tâm cảm của đất nước là nguồn gốc họ đã ảnh hưởng rất nhiều và đó cũng là một nét đặc biệt.

Phỏng vấn, nói chuyện với tác giả gốc Việt là một cách làm thú vị để độc giả có thể quen thuộc một cách dễ dàng và thú vị với tác phẩm đã đọc. Chúng tôi mời quý độc giả theo dõi một vài câu chuyện với các cây bút, tuy đã hội nhập vào xã hội bản xứ nhưng vẫn đầy một tấm lòng hướng về đất nước. Họ là những người tị nạn và trong từng trường hợp của mỗi người trong hoàn cảnh lưu vong tị nạn Cộng sản đã làm nổi bật một cuộc chiến đi xây dựng cuộc đời mới với hai bàn tay trắng.

1. Phỏng vấn nhà văn Andrew Lam.

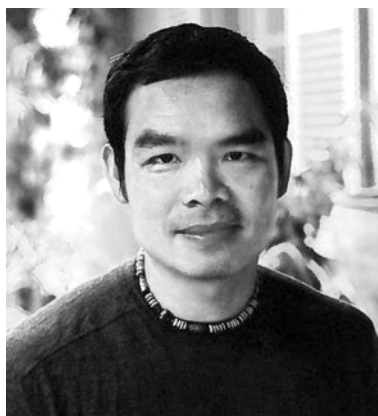
Tháng 5 năm 2013, Andrew Lam vừa ra mắt tập truyện ngắn đầu tiên, **Birds of Paradise Lost**. Trước đó ông đã có hai tác phẩm biên khảo là **The Perfums Dreams** và **East Eats West**.

Tập truyện ngắn xuất bản năm 2013 gồm 13 truyện ngắn được chọn lọc với tính hơi trào phúng mỉa mai, nhưng đầy cảm xúc của những mảnh đời được ghi chép lại với tính biên niên đầy những nỗi thống khổ, hân hoan, can trường của những người đến Hoa Kỳ lập lại cuộc đời mới. Andrew Lam đã mô tả bằng những nét phác họa khá độc đáo của những cư dân đến từ Việt Nam rời bỏ đất nước đến định cư tại vùng vịnh San Francisco.

Dĩ vãng với những ký ức về chiến tranh và những hậu quả mà tội ác, bắt bớ, trại giam cải tạo, khu kinh tế mới, của những cuộc vượt biển và những con tàu chìm đắm ngoài biển khơi mang theo bao nhiêu mạng sống con người, của những tên hải tặc tàn bạo- đã hiện diện thường trực và sâu sắc trong những truyện ngắn mà tính nhân bản tràn đầy và đắm ngập cảm giác. Với phong cách diễn tả gây nhiều kinh ngạc cho độc giả phác họa những mảnh đời của những người mà họ tưởng rằng đã đi

qua những thời kỳ của ác mộng chiến tranh và cơn hồng thủy cuốn trôi đi tất cả.

Có những sự kiện đi trở về chương trình truyền hình trong khuôn khổ những lời thú tội của kẻ đã ăn thịt người, vào một quán ăn Việt Nam như là một cựu quân nhân đã tham dự chiến tranh Việt Nam, với những bí mật đáng hổ thẹn và ăn khóp với một nhân dáng kỳ quặc mang dấu vết hội chứng Tourette (*một bệnh chứng tại bộ óc gây ra có thể vì di truyền hoặc môi trường sinh sống*), chiến đấu để cố gắng chống lại những bi đát sâu thẳm.



Tác giả Andrew Lam

Birds of Paradise Lost là biểu hiện của những chuyện viêng thắm đầy ấn tượng mạnh mẽ nhưng tràn đầy tình cảm với những phân cách, biểu hiện từ những sai lầm khởi đầu và khám phá từ cuộc chiến đấu của những người đi tìm một đời sống khác với nơi quê hương mà họ đã rời bỏ.

Andrew Lam đã được nhiều người biết đến từ vai trò của một ký giả, chủ bút của New America Media, một cơ quan về truyền thông của sắc dân thiểu số mà tổng cộng có đến 250 thành viên gồm các tờ báo, đài phát thanh, đài truyền hình. Thế nhưng, trong năm nay, ông lại xuất bản một tác phẩm mới mà trong nội dung là quá khứ của người tị nạn Việt Nam, vang vọng lại từ những truyện ngắn với những nhân vật có cá tính của người tị nạn và đến đất nước mới với bàn tay trắng để bắt đầu đi trên một quãng đời gai góc ở xứ người.

Trong cuộc phỏng vấn của ký giả Anna Challet, tác giả **Birds of the Paradise Lost** đã nói về tác phẩm của mình.

Trả lời câu hỏi ông đã làm việc rất nhiều năm trong sự

nghiệp của một ký giả nhưng tại sao lại xuất bản tập truyện ngắn này, Andrew Lam phát biểu:

- Tôi đã viết truyện ngắn từ hai mươi năm đến giờ, có lúc ngưng nghĩ có lúc tiếp tục, từ khi tôi đang học trong lớp sáng tác của chương trình Creative Writing tại đại học San Francisco State University. Dù sau này tôi chọn sự nghiệp là ký giả và nhà biên khảo, tiểu thuyết vẫn là người tình đầu của tôi. Tôi không bao giờ rời bỏ nó và dù cho đó là một con đường không dễ dàng để sinh tồn được với nó.

Tuyển tập truyện ngắn này là công sức của tất cả nỗi yêu thương cũng như tận tâm tận sức, và khi nào tôi tìm được những thời gian ít bận rộn của công việc ký giả thường ngày, tôi lại viết một truyện ngắn hoặc là khác hơn, ít nhất cũng tạo được bố cục của tính chất đề tài, và sưu khảo thêm những ý tưởng liên quan đến những vấn đề còn lúng túng. Sau hai mươi năm và hơn 30 truyện ngắn, 13 truyện đã được chọn lựa và tuyển tập ra đời. Từ đó trở đi, những lời giới thiệu nồng hậu của các tác giả như Maxime Hong Kingston, Gish Jen, Robert Olen Butler, Oscar Hijuelos, và nhiều người khác đã khích lệ tôi rất nhiều.”

- Tại sao ông đã viết rất nhiều bài biên khảo cũng như những bài không có tính tiểu thuyết từ khi đến Hoa kỳ từ Việt Nam? Ông có cảm nghĩ gì khi mang những kinh nghiệm của đời sống thực vào trong nhân vật của tiểu thuyết?

Andrew Lam trả lời:

- Vâng, tôi luôn luôn phát biểu rằng non fiction hay fiction có một chút giống nhau như giữa kiến trúc với hội họa trừu tượng. Trong non-fiction, bạn có thể giữ trung thực từ những dữ kiện lịch sử, có thể là trên bình diện cá nhân con người hay quốc gia. Ở fiction, có thể là bạn sẽ đi vào một thế giới mơ mộng ảo mà bạn sáng tạo ra, nhưng những nhân vật đã có tính chất rất tự do. Họ không làm những gì bạn muốn họ làm, họ gặp những trở ngại, họ hút sách, họ chiến đấu vật vã với

những điều tốt đẹp, và làm những điều không tốt đáng xấu hổ mà bạn không muốn các con trẻ làm. Nói một cách khác, bạn có thể tạo ra những bối cảnh, như người gieo hạt - trong trường hợp của tôi là bối cảnh của người Việt tị nạn.

Khi những nhân vật tròn trịa đã được hình thành, họ sẽ không giảng giải bạn về lịch sử và họ đã hiểu biết sai lầm ra sao. Họ sống đời sống của họ, làm những công việc mà họ không hề mong ước và có thể làm cho bạn cười to hoặc kêu khóc vì những nhược điểm hoặc thiếu sót rất nhân bản của họ.

- Tại sao tác giả lại chọn nhan đề của tuyển tập truyện ngắn là *Birds of Paradise Lost*.

Andrew Lam giải thích:

- Đó là nhan đề của một trong 13 truyện ngắn trong sách, và là truyện ngắn nói về nỗi chết, sự hận thù, và tự hy sinh thân mình cho lý tưởng. Trong truyện ngắn này, người kể chuyện có một bạn thân muốn tự thiêu tại Washington D.C. và để lại một lời nói là ông thù ghét những người của chế độ Việt Nam Cộng Sản và muốn dùng cái chết của ông để cảnh tỉnh dư luận và chấm dứt những tội ác do chính quyền này gây ra. Nhưng ông cũng từ giã người bạn thiết khi về San Francisco, và sau đó đã làm xôn xao dư luận vì cái chết của ông. Đó có phải là một hành động ái quốc? Một du khách đi ngang qua đã chụp được tấm ảnh của một người đang trong biển lửa và trong ảnh lửa ấy đã nhắc người kể chuyện đến hình ảnh của một loài chim trên thiên đường đã mất. Một loài hỏa điểu, một cánh phượng hoàng trong lửa khói.”

Anna Challet hỏi:

- Rất nhiều nhân vật của truyện ngắn mà ông viết hình như có nỗi bận tâm ám ảnh về thời gian như nói về tương lai (truyện *The Palmist*), hiện giờ vô phương trở lại quá khứ (truyện *Bright Clouds Over the Mekong*), sống trong nỗi hãi sợ không dứt về những điều kinh ngạc của giây phút hiện tại có thể mang đến (truyện *Step Up and Whistle*). Ông có thường

tự mình tìm kiếm về những nhân vật đã phấn đấu để chạy đua vật vã với thời gian?

Andrew Lam trả lời:

- Tôi không có ý định theo phương cách trên, nhưng thật sự là quá khứ đã có hiện diện trong những nhân vật của *Birds of Paradise Lost*. Có thể điều ấy không tác dụng lắm. Rồi nhiều người đã có những kinh nghiệm sống về sự tổn thương: chạy trốn khỏi Việt Nam, nhìn thấy trước mặt có người bị giết-hoặc thừa hưởng những tổn thương từ kinh nghiệm của những người chạy trốn khỏi quê hương. Như vậy quá khứ ù luôn luôn xuôi chảy trong hiện tại. Tương lai thì hẳn nhiên có thể khả hữu sự tha tội và có thể khả hữu rằng họ sẽ chinh phục những chiều hướng ám ảnh của quá khứ mà họ có thể bắt đầu hàn gắn. Không phải tất cả những điều họ đã làm, dĩ nhiên, giống y hệt như đời sống thực...”

2. Phỏng vấn nhà văn Nam Lê.

Nhà văn Micheal McGaha đã viết trong *San Francisco Chronicle*;

Bạn có thể chưa bao giờ nghe đến tên Nam Lê, nhưng với ấn bản của tuyển tập truyện ngắn đầu tiên **‘The Boat’** bạn có thể trông đợi sẽ nghe nói nhiều hơn về bút danh này trong tương lai.

Nam Lê sinh trưởng ở Việt Nam, lớn lên ở xứ Úc và đã làm công việc luật sư trong một tổ hợp luật trước khi qua Hoa Kỳ để học lớp viết văn của trường đại học Iowa... Chưa tới 30 tuổi, anh đã hoàn tất một cách thật đặc biệt và cũng thật đầy năng lực chương trình học để đào tạo thành một nhà văn...”

Nam Lê có lối viết tả tình, tả cảnh sinh động. Những phong cảnh cũng như những nhân dáng được lột tả đẹp và có nhiều chất lãng mạn thơ mộng. Nhưng, trong những truyện ngắn ấy chứa đựng nhiều biến cố, nhiều dữ kiện bất ngờ, và nhiều khi đậm chất dục tình hoặc bạo lực.

Truyện ngắn cuối được chọn làm nhan đề cho tuyển tập **The Boat** là một truyện ngắn viết về thuyền nhân. Nhân vật chính là Quyên mang theo đứa con tên Trương vượt biển tìm tự do. Trương là đứa con của Quyên với người cha không thừa nhận nên vì sợ điều tiếng xàm xì nên gửi thân nhân nuôi nấng con. Do đó, tình mẹ con có một chút gì nhạt nhẽo, một chút gì lẩn tránh. Trong cuộc hải hành, Quyên thì cứ mãi suy nghĩ về sự liên hệ lỏng lẻo giữa mẹ và con, trong khi Trương thì cứ suy nghĩ và tưởng tượng ra người cha vắng mặt với những điệu hát câu ru buồn thảm.

Trong thuyền, Trương có vẻ thân với Mai, một cô gái đi chung chuyến tàu. Rồi Trương bị bệnh nặng. Tàu vắng dần đi vì những người bị



Tác giả Nam Lê

chết vì đói, vì khát, vì nắng bỏng cháy da, vì kiệt sức bởi ới mưa. Những người chết vì thủy táng, thân thể vớt xuống biển và làm mồi cho bầy cá mập lớn vờn bơi quanh. Trong cái không khí hãi hùng chờ chết ấy, người mẹ trẻ là Quyên cũng nghĩ đến lúc phải thủy táng đứa con vào lòng biển. Cuộc hải trình 13 ngày trên biển và những thuyền nhân khốn khổ gần như hầu hết bị kiệt sức khi đến đất liền.

Cái bi thảm không phải chỉ có trong *The Boat* mà còn ở trong 5 câu chuyện khác, từ cậu bé 14 tuổi người Colombia đến người họa sĩ trưởng thành và đau khổ ở New York, trong cô bé trong tuổi teen-age ở Úc, trong cô bé gái Nhật Bản 8 tuổi ở Hiroshima vào tháng 8 năm 1945, và trong người luật sư Hoa Kỳ đi thăm người bạn Iran ở Tehran. Những mức độ của tính chất cá biệt ít thông dụng mấy nhưng những điều đáng lưu ý và là bản chất thực của những truyện ngắn là ngôn

ngữ và mức vang vọng ở mức tuyệt hảo ở từng truyện.

Tác giả đã dùng những tiếng lóng của băng đảng Colombia, những thành ngữ ca dao của Việt Nam, hay những ngôn từ biểu dương lòng ái quốc của Nhật Bản trong thời kỳ chiến tranh, tùy mỗi trường hợp để làm nổi bật cá tính. Bảy truyện ngắn là bảy văn phong, bảy ngôn ngữ khác nhau, bảy không khí truyện khác nhau đã làm người đọc khó tưởng tượng được rằng một tác giả mà viết được những truyện ngắn khác nhau và phong phú như vậy.

Trong tạp chí Luna Park số mùa xuân năm 2008, Nam Lê đã nói một phần về con đường viết văn của mình khi được hỏi:

- Anh đã phác họa đầu tiên như thế nào để viết tiểu thuyết một cách chuyên nghiệp? Nói khác hơn, anh có thể giải thích một cách ngắn gọn tại sao anh lại chuyển từ công việc của một luật sư để áp dụng (và ở cái nhiều hơn những gì hấp thụ được) vào chương trình học của Iowa Writers' Workshop, rồi xuất hiện trong văn chương đại loại như trong các tạp chí văn học như **Zoetrope**, **A Public Space**, **Harvard Review**, và **One Story**? Điều ấy dường như làm anh đã đi xa hơn từ vị trí của một người đi lang thang

- Là người đọc mới theo dõi những gì anh viết, tôi đã ngạc nhiên không hiểu rằng anh có thời giờ để vào giường ngủ không?

Nam Lê trả lời:

- Tôi tuyệt nhiên không nghĩ là mình sẽ viết tiểu thuyết một cách chuyên nghiệp. Tôi luôn luôn chỉ muốn làm người viết. Khởi từ ít năm gần đây, tôi đã chú tâm về thi ca. Tôi bắt đầu viết một cách thật nghiêm chỉnh tiểu thuyết (một danh xưng đã được áp dụng để chỉ một giới hạn làm việc) trong một năm lơ đãng thành thiếu sót trong lãnh vực luật. Tôi độ chừng rằng ông có thể nói tôi đã phác họa, trong lúc ấy, để thối một mộng ước là trở thành một nhà văn chuyên nghiệp. Iowa đến như một may mắn cho tôi và xuất hiện đúng lúc.

Gần đây tôi vừa hoàn tất một bài viết và khi đọc trong mục điểm sách của John Murray, **A Few Short Notes on Tropical Butterflies**, thấy một đoạn tin ngắn về chương trình này. Đó là vào năm 2003. Tôi tìm hiểu, gửi một chương của tiểu thuyết đang dở dang, rồi được khuyến khích hoàn tất nó. Kết cuộc thật tốt và tôi đã đạt được nhiều cái tôi có như hiện nay...”

Khi có câu hỏi Nam Lê về một truyện ngắn **Meeting Elise** (truyện về người cha và đứa con gái từ nỗi hối hận về sự ruồng bỏ cũng như lối suy nghĩ loay hoay theo lối riêng mình của người cha về đứa con) đại khái là những ý tưởng khi bắt đầu viết thì anh đã trả lời về phương cách viết của mình:

- Tôi phỏng chừng từ những phương pháp mà mình thu lượm được hơn là những công thức mà tôi thường dùng. Tôi tự hỏi thế nào là những nỗi đau đớn nhất mà một người nào đó cảm thấy (hình dung khi tôi đã nhảy qua được từ điểm có thể thu hẹp đến tối thiểu khoảng cách tôi tự biến mình thành độc giả với sự tác động để lôi cuốn). Như tôi nghĩ về nỗi buồn của cha mẹ khi bị mất đứa con. Rồi tôi nghĩ ngược lại nếu đứa con còn sống thì sẽ ra sao? Phương cách ấy sẽ không thay đổi và tiếp tục khai triển về nỗi đau đớn.

Rồi tôi lại nghĩ điều gì sẽ xảy ra, khi tôi tạo ra trên giấy một anh chàng nào đó không cảm xúc trơ trơ trước nỗi đau và có phải là tôi đã cố gắng để làm phức tạp hơn để ảnh hưởng tới sự theo dõi của độc giả. Những suy nghĩ ấy đã làm thay đổi hình ảnh cuối cùng: người cha nhìn đứa con gái đang trên sân khấu dần xa- đang nhảy múa hoặc có thể trong màn trình diễn- và trong giây phút cảm nhận (một lần nữa khẳng định sự hiệu quả) tất cả mọi chuyện và tôi đã nhảy được từ hình ảnh nhiều người thành hiện thực một người.

Đọc truyện của Nam Lê tôi thấy sự cố gắng một cách có suy nghĩ để tìm những điều mới lạ trong văn chương anh. Từ những mẫu nhân vật đến môi trường sống, từ suy nghĩ của con người, từ những không gian thời gian khác nhau nhưng cùng

có một điểm chung là mong mỗi khám phá được những góc cạnh sâu thẳm của nội tâm con người. Ngay như những truyện viết về những thuyền nhân Việt Nam hay từ những nhân vật có nhiều nét tương tự bản thân tác giả, người đọc là tôi đã tìm được nhiều nét mà các tác giả khai thác chung một đề tài chưa đề cập tới. Chưa hẳn là phức tạp, chưa hẳn là cảm giác chung chung, mà chính là sự tìm kiếm để tạo thành những bất ngờ và những tầm nhìn khá độc đáo.

Làm thuyền nhân, dĩ nhiên là đối diện với nguy hiểm, với đói khát, với bệnh tật, nhưng ngoài những điều đó, còn những gì khác? Có phải là từ những mảnh đời khác nhau, từ những suy cảm khác nhau để nói lên một điều gì đó không phải là lời đồng ca đã bị thành nhàm chán? Hoặc là như nhân vật người cha, là nạn nhân sống sót của một cuộc tàn sát, là một người tù cải tạo, là một người mong mỗi làm được một việc gì đó cho đời nhưng vô vọng, nhân vật ấy có nhiều trong đời thường. Nhưng chỉ thế thôi thì đã thành quen thuộc nên hành động đột bản thảo của đứa con đã tạo cho độc giả nhiều liên tưởng. Tại sao? Có phải vì muốn đoạn tuyệt quá khứ? Hay cho rằng chữ nghĩa cũng chưa đủ để chuyên chở nỗi đau? Hoặc là biểu hiện cho sự xung phá giữa người cũ và người mới, giữa quá khứ và hiện tại?

Nhà phê bình Michiko Kakutani đã viết về Nam Lê và tác phẩm **The Boat**:

- Không những anh viết với một cách thể có thẩm quyền từ những phát biểu đầy tự tin rất hiếm thấy, mà ngay cả chính những người cầm bút lâu năm vẫn chưa có được. Anh còn thể hiện tài năng khi phác họa được những xung đột nội tâm của những người khi họ chứng kiến mộng ước, hoặc nguyện vọng của mình bị chà đạp bởi những ràng buộc của gia đình, hay từ sức mạnh lôi theo của vòng quay lịch sử tàn khốc.

3. Phỏng vấn nhà văn Dao Strom

Những nhà văn Mỹ gốc Việt thuộc thế hệ một rưỡi, hoặc

hai tuy không có những kinh nghiệm sống trực tiếp hoặc bị quá khứ đè nặng trên vai như thế hệ thứ nhất nhưng cũng viết với một tâm thức Việt Nam. Biến cố tháng tư năm 1975 đã làm cả triệu người Việt rời bỏ quê hương ra sống ở ngoài nước, tạo thành một cộng đồng mới mẻ có nhiều sinh hoạt đặc thù về nhiều phương diện từ văn hóa đến chính trị, từ kinh tế đến xã hội.

Văn học, một phần nào phản ánh đời sống thực, mở ra những đề tài mà ở đó, chiến tranh vừa qua tuy đã chấm dứt nhưng còn nhiều ảnh hưởng. Những nhà văn trẻ, phần đông tốt nghiệp đại học bản xứ, đã viết những tác phẩm bằng Anh ngữ để tham dự



Tác giả Dao Strom

vào văn chương dòng chính với nhiều dấu hiệu tích cực đánh dấu sự có mặt. Tác phẩm của họ được các nhà xuất bản nổi tiếng in và cũng đã có những phản ánh từ các nhà phê bình nhận định văn học của các trang điểm sách của các tờ báo, tạp chí có uy tín.

Tác giả ấy là Dao Strom, người đã xuất bản hai tác phẩm: **Grass Roof, Tin Roof**, năm 2003 và **The Gentle Order of Girls and Boys**, năm 2006. Sách đã được giới thiệu trong các mục điểm sách của The New York Time, LA Times, Washington Post. Dao Strom cũng nhận được nhiều giải thưởng văn học của Arts Literature Fellowship, James Michener Fellowship, The Chicago Tribune.

Ngoài ra, Dao Strom còn là một nhạc sĩ và ca sĩ. Cô đã có albums nhạc dân ca **Send Me Home** và đã được báo Austin Chronicle khen tặng:”

Dao Strom hát với những ca khúc hầu như độc nhất được cả thế giới lắng nghe và cô đã tạo ra được những cuộc giao du từ CD nhạc tuyệt vời, được người nghe mến chuộng từ dao khúc khởi đầu. Nhạc đã tạo ra cảm giác như có một cái gối êm ái đè lên ngực, thoảng nghe tiếng xe dưới xa lộ qua khuôn cửa sổ trong không khí mờ hồ trầm lắng...”

Tiểu thuyết **Grass Roof Tin Roof** có nhiều chất của sự thực, từ những hậu quả của chiến tranh, bi thảm của ly biệt, đến những kinh nghiệm của đời sống thực, tất cả những tính chất ấy đã thành tính sáng tạo của nhà văn nữ người Mỹ gốc Việt này.

Dao sống và lớn lên từ vùng núi Sierra Nevada miền Bắc tiểu bang California. Cô đã tự giới thiệu mình bằng những dòng chữ viết:

*Tên tôi tự đặt là Tiêu Dao.
Tôi sinh ra ở Việt Nam,
trong cơn thức dậy của chiến tranh
Tôi là con gái của một nhà văn
Và cũng là con gái của một tù nhân chiến tranh
Nhưng tôi đi theo mẹ tôi
Chúng tôi vượt qua biển, ngủ dưới những nhà lều
và mặc quần áo người ta thả ra cho*

từ những người lạ.

Tôi lớn lên ở nơi chốn
mà tôi đã tin rằng chúng tôi được cứu giúp.
dù một năm sau tôi đã hỏi
điều gì đã thật sự cứu giúp.
Tôi là một đứa trẻ bị phân hai
Giữa cha và mẹ/ núi non và biển cả
Giữa những vùng địa lý.

*Tôi cũng là một phần của thế giới nửa chừng
Của những phân pha trộn và là kẻ hát rong.
Đó là những ghi chú của tôi*

từ thế giới phương Nam...”

Trong một bài phỏng vấn khi được hỏi **Nơi đâu là nhà?** Dao Strom đã trả lời:

- Tôi bị ám ảnh với câu hỏi trên nhiều lần và đã phân vân giữa hai giả dụ, một là quê nhà Việt Nam nơi tôi sinh trưởng và hai là nơi tôi đang sinh sống với ngôi nhà chung quanh là những ngọn thông cao và dòng sông miền núi lạnh lẽo. Nơi nào là đích thực quê nhà tôi như tôi đã thường xuyên đề cập đến trong những ca khúc. Sự giải thích rất ráo rắt mà tôi tìm được về ý nghĩa của danh từ ‘nhà’ đã xuất hiện trong ca khúc **Send Me Home**.

Ý nghĩa ấy bắt nguồn từ một câu nói của một sư nữ Phật giáo trong một cuộc hành trình mệt mỏi đói khát. Khi đến một thôn làng, khi sư nữ này xin một chỗ trú ngụ qua đêm và bữa cơm đỡ đói thì bị dân làng từ chối vì có thể là khác tôn giáo hoặc sợ dính dáng và gặp rắc rối khi tiếp xúc với vị nữ tu này. Rồi bà đã tìm được nơi trú ngụ qua đêm dưới những hàng cây che. Trời lạnh khiến bà thức giấc giữa nửa đêm và nhìn thấy vầng trăng trên những cành cây trên đầu. Bà chợt nhận thấy rằng mình đã được chở che trong đêm, không những từ hình ảnh của vầng trăng cô độc đẹp lộng lẫy mà cả từ tâm thức yên bình. Và tự nhiên bà lại thấy cảm tạ cơ duyên từ những giây phút bị dân làng từ chối giúp đỡ..”

4. Phỏng vấn nhà văn Phạm Xuân Quang.

Có những cuốn sách thể hiện mơ ước một đời. Có những câu bé có mộng tưởng khêu bắt sao trời khi thơ ấu, để đến lúc trưởng thành cố gắng đạt bằng được điều mơ ước ngang dọc khung trời năm không gian trong bàn tay nhỏ bé.

Đó là một thiên hồi ký của một cậu bé hồi nhỏ sống ở phi trường Tân Sơn Nhất với ước mơ thành một hoa tiêu vùng vẫy trời cao. Và cũng là những hồi tưởng từ hai đời người, một cha một con, cùng theo nghiệp bay bổng nhưng phục vụ đất nước khác nhau và trong những hoàn cảnh cá nhân khác nhau.

Người cha luôn luôn là hình bóng đi bên cạnh đời người con với nét hào hùng của một người chiến đấu vì tự do và hiểu được ý nghĩa của tự do.

Khi chiến đấu cho đất nước, trung tá Phạm Văn Hòa, bay chiến đấu cơ A sau đó là hoa tiêu vận tải C130, đã mang cả một thời tuổi trẻ của mình trong ước vọng thực hiện được lý tưởng của mình. Cũng như khi chiến đấu cho đất nước Hoa Kỳ, đại úy Phạm Xuân Quang, một hoa tiêu trực thăng của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ, cũng hiểu được giá trị của tự do và nghĩ rằng đã được hưởng ân huệ của đất nước định cư thì cũng phải có nhiệm vụ phải bảo vệ đất nước ấy.



*Tác giả Phạm Xuân
Quang*

Cầm tập hồi ký **A Sense of Duty: My Father, My American Journey** của Quang X. Pham, tự nhiên lại nhớ đến câu hát Hồn Vọng Phu. Ở đây, người cha, một phi công của Không Quân Việt nam, bay khu trục rồi chỉ huy một phi đoàn vận tải. Người con, tốt nghiệp đại học rồi gia nhập Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ thành một phi công trực thăng. Chuyện ấy cũng có thể bình thường.

Nhưng người con viết hồi ký về cuộc đời của cha mình và cũng là dịp để nhìn lại một cuộc chiến đã chấm dứt từ bốn mươi năm nay, chuyện ấy mới là đáng nói. Qua bóng dáng của người cha, một thời lửa khói được kể lại. Và, tiếp nối, là người con của thế hệ tiếp theo. Không gian bao la nhưng vẫn nằm trong bàn tay người phi công. Tác phẩm, là hồi ký của một người con nhưng đa phần là hình bóng của người cha và những người đồng đội cũ. Cuộc chiến dù đã bốn mươi năm qua, nhưng vẫn còn dư âm, tưởng như mới ngày nào...

Phạm X. Quang kể lại:”

- Tôi sinh ra là một người Việt nam tại một bệnh viện cô của Pháp sáu tháng trước khi Tổng Thống Lyndon B. Johnson gởi hàng ngàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đến đất nước tôi. Tôi vẫn có thể tìm nơi sinh quán của tôi trên bản đồ. Tuy nhiên bây giờ nó đã bị đổi tên với một cái tên quái dị, kỳ lạ. Sài Gòn, cái tên dù đã bị cưỡng đoạt nhưng nó vĩnh viễn không bị mất, tôi có thể cho mọi người biết lý do tại sao, mà không khỏi ghen ngào. Như là một đứa trẻ mồ côi bán phần, tôi tự bằng lòng với chính tôi, một nửa là Việt Nam còn sống và tồn tại trong tôi với một nửa là tình yêu của tôi cho nước Mỹ, một người Việt Nam đối với Hoa kỳ mà bây giờ là quê hương của tôi.

Khi tôi hai mươi tuổi, tôi trở thành công dân Mỹ do sự lựa chọn của chính tôi. Thật ra tôi chỉ là một sản phẩm phụ, hiện hữu hôm nay bởi sự thất bại của chính sách Hoa Kỳ ủng hộ chế độ VNCH làm tiền đồn chống Cộng sản ở Á Châu. Tôi vẫn có thể giữ thẻ xanh và trở thành thường trú nhân như một số người Việt Nam khác. Nhưng tôi biết một điều rằng muốn gia nhập quân đội Hoa Kỳ tôi phải là công dân Mỹ.

Ngay từ thuở ấu thơ giấc mơ của tôi khi lớn lên tôi sẽ trở thành một phi công như cha tôi. Tôi cũng không ngờ để theo đuổi giấc mơ này đã giúp tôi trả ơn việc thành công dân Hoa Kỳ và hiểu biết được sự thật về nghĩa vụ của cha tôi trong cuộc chiến triền miên. Có lần cha tôi đã viết: Có lẽ là số phận ngẫu nhiên con đã cùng ở một đơn vị Thủy Quân Lục Chiến mà cha thường bay để yểm trợ và đã cứu thoát cha trong những ngày cuộc chiến bắt đầu dữ dội.

Chuyện của tôi chỉ là một câu chuyện đơn giản của một đứa trẻ bị nạn lớn lên không cha và trở thành có lúc ngần ngại vì nỗi nhớ quê hương. Có lúc sôi nổi vì tiếng gọi của nghĩa vụ quê hương ngay cả trước khi chào đời, đứa bé đã hoàn thành giấc mơ của một công dân Mỹ dù phải trải qua

những sự kỳ thị và chập chùng chướng ngại. Tuy nhiên nhờ sự thúc đẩy của người cha thân yêu, một người lúc nào cũng dẫn thân cho danh dự mà không đòi hỏi một sự đền bù nào và người thiếu niên trẻ ấy là tôi đã tìm được sự hòa hợp của những người lính Hoa Kỳ phục vụ dưới cờ.

Năm 1975, một tuần lễ trước khi quân Bắc Việt tràn ngập Sài Gòn, mẹ tôi và ba người em gái của tôi và chính tôi đào thoát ra khỏi Việt Nam. Quê hương tôi tan vỡ ra thành từng mảnh hy vọng. Một quốc gia hoàn toàn có tự do đã trở thành thất vọng nào nề. Thực không thể đoán trước được là gia đình tôi đã trở thành một trong số hàng trăm ngàn gia đình có thân nhân là tù binh chiến tranh. Sau cùng nỗi lo sợ kinh hoàng của chúng tôi khi rời khỏi Việt Nam đã chấm dứt.

Cha tôi bị CS cầm tù và bị giam mười hai năm tại các trại tù khổ sai sau khi ông được lệnh đi trình diện để “học tập” có ba mươi ngày. Sau khi đã trải qua các giai đoạn tù tầy nã mà Công sản gọi là cải tạo, đời sống trong tù ngục của cha tôi là những chuỗi kinh hoàng, đương đầu với bệnh tật như phù thũng, kiết lỵ, sốt rét, và chịu đựng đói khát, hành hạ đánh đập và có lúc tưởng như sắp đi gặp tử thần. Cha tôi đã lầm tưởng rằng Hoa kỳ sẽ sát cánh với quân lực mình mãi mãi. Ông đã phục vụ suốt hai mươi một năm trong hàng ngũ QLVNCH từ sau đệ nhị thế chiến đến gần hết tuổi trai trẻ của mình. Nhưng khi ông đến được bến bờ tự do tại đây, ông chẳng bao giờ nhận được một sự chào đón chân thành, nói chi đến những quyền lợi cựu chiến binh hay hưu dưỡng./.

